

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mộng Nguyệt
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1990; thường trú: Số S, đường số T, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; địa chỉ: Hẻm b/b, đường N, tổ N, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Số S, đường số T, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị L, anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Bùi Minh Đ có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 1/2012 ngày 10/12/2012. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ Số S, đường số T, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp

nhau, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên giận nhau, vì vậy cả hai đều rất mệt mỏi. Từ cuối tháng 3 năm 2020, chị L về nhà thờ tự của gia đình tại hẻm b/b, đường N, tổ N, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận sinh sống và đi làm, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Minh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Tiến D, sinh ngày 08/12/2013 và Bùi Đăng N, sinh ngày 28/5/2019. Hiện nay con đang sống cùng anh Đ, vì thời điểm chị L về P sinh sống đang có dịch bệnh tại đó, để đảm bảo an toàn cho các con và do anh Đ không cho chị dẫn con đi nên chị để con ở lại cho gia đình chồng chăm sóc. Hàng tháng, do công việc nên chị L chỉ gửi sữa, đồ dùng sinh hoạt về cho các con và điện thoại hỏi thăm tình hình con mà không về thăm con được. Hiện nay, chị L đang làm việc tại Shop thời trang Béo Store, địa chỉ M đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận với thu nhập 4.500.000 đồng/tháng và làm thêm công việc kế toán tại Công ty TNHH vận tải S, địa chỉ B đường P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận với mức lương 3.000.000 đồng/tháng. Nay, chị L yêu cầu sau khi ly hôn, chị được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Đăng N, giao cho anh Bùi Minh Đ trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Tiến D, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 07/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Minh Đ trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị L về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn, nơi sống của hai vợ chồng sau khi kết hôn và những mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Khoảng cuối tháng 3 năm 2020, chị L về thành phố P sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng với chị L không còn nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Tiến D, sinh ngày 08/12/2013 và Bùi Đăng N, sinh ngày 28/5/2019. Hiện nay con đang sống cùng anh Đ. Anh Đ cho rằng chị L không đủ điều kiện nuôi con vì hiện tại chị L không có nhà ở, việc làm và thu nhập không ổn định; từ khi kết hôn, chỉ khi sinh con chị L mới ở nhà anh Đ còn lại chị L đều đi làm ở P, lâu lâu mới về thăm con, đến khi ly thân, chị L về P và để con cho anh Đ nuôi dưỡng; ngoài ra các con đã quen với môi trường sống tại gia đình anh, nếu giao con cho anh nuôi thì cha mẹ ruột và chị ruột anh sẽ hỗ trợ chăm sóc, giáo dục các con khi anh đi làm; còn về phía chị L nếu nuôi con sẽ không ai phụ giúp chăm sóc. Hiện nay anh Đ đang làm nghề lái xe của gia đình đi hợp đồng, thu nhập 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng, tuy có lúc lái xe đi 3 đến 4 ngày không về nhưng vẫn có người nhà hỗ trợ chăm sóc các con, vì vậy, anh nhận thấy có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Do đó, sau khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Bùi Minh Đ tìm hiểu nhau 02 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyền số 1/2012 ngày 10/12/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của chị L và anh Đ trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, thực tế cuộc sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, phát sinh từ việc vợ chồng không hiểu nhau, tính tình hai bên không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên giận nhau, vì vậy cả hai đều mệt mỏi. Từ cuối tháng 3 năm 2020, chị L về nhà thờ tự của gia đình ở P sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm và chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu được ly hôn, anh Đ cũng đồng ý nên có căn cứ công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Tiến D, sinh ngày 08/12/2013 và Bùi Đăng N, sinh ngày 28/5/2019. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Đăng N, giao cho anh Bùi Minh Đ trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Tiến D, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Xét, chị L, anh Đ đều có sức khỏe, có việc làm và thu nhập, có thể đảm bảo những điều kiện phát triển tốt cho con. Mặc dù hiện nay 02 con đang sống cùng anh Đ, vì điều kiện và công việc, chị L ít có thời gian về thăm con, nhưng chị L vẫn gửi sữa, đồ dùng sinh hoạt về cho con và hỏi thăm tình hình con. Anh Đ làm nghề lái xe hợp đồng, thời gian làm việc thất thường, việc chăm sóc con chủ yếu dựa vào cha mẹ và chị gái của anh, anh Đ không có nhiều thời gian trực tiếp chăm sóc con. Xét cháu Bùi Tiến D đã lớn, đang sống cùng anh Đ và chị L cũng đồng ý giao cho anh Đ trực tiếp nuôi cháu D. Cháu Bùi Đăng N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ. Do đó, giao con chung tên Bùi Tiến D, sinh ngày 08/12/2013 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung tên Bùi Đăng N, sinh ngày 28/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị Hồng L với anh Bùi Minh Đ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L đối với anh Bùi Minh Đ về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Bùi Minh Đ.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L giao con chung tên Bùi Tiến D, sinh ngày 08/12/2013 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Bùi Minh Đ giao con chung tên Bùi Đăng N, sinh ngày 28/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Bùi Minh Đ đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp 01 người lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc người kia nuôi con thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003555, ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị Hồng L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung